

Bản án số: 25/2024/HC-ST

Ngày: 21/5/2024

“V/v khiếu kiện Quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Ông Lại Văn Chiến

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Châu Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 13/2024/TLST-HC ngày 24/01/2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HC ngày 02 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Hữu P; Địa chỉ: Khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Hoàng Thị L; địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2022) (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Mạnh T – Phó Chủ tịch UBND thị xã Q (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024) (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Bà Đoàn Thị Phương H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Q (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Tiến H1 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Q (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Văn D; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Q (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2024) (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Đàm Trung H2; Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đinh Văn C – Phó Chủ tịch UBND phường Đ, thị xã Q (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/01/2024) (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị Thúy H3; Địa chỉ: Khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\*/Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Năm 2020, UBND thị xã Q tiến hành thu hồi 3.590m<sup>2</sup> đất nông nghiệp do gia đình ông Vũ Hữu P đang canh tác tại khu T, phường Đ, thị xã Q để thực hiện Dự án khu dân cư phía tây Nhà máy B1, thị xã Q. Ngày 03/8/2020, UBND thị xã Q ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2185/QĐ – UBND. Kèm theo đó là B tính khối lượng và tính giá trị bồi thường, hỗ trợ do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Q lập cho gia đình ông P với tổng giá trị bồi thường là 1.026.704.924 đồng. Ông P không đồng ý nên đã làm đơn khiếu nại và gửi đến Chủ tịch UBND thị xã Q yêu cầu giải quyết.

Ngày 01/12/2022, Chủ tịch UBND thị xã Q ban hành Quyết định số 8047/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu P (lần đầu), tại Điều 1 của quyết định này có nội dung: *“Điều 1. Không chấp nhận các nội dung khiếu nại của ông Vũ Hữu P, khu T, phường Đ, thị xã Q cụ thể: Yêu cầu xác định lại giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được giao khoán thuộc thửa 49 tờ bản đồ GPMB số 01”*.

Ông P cho rằng quyết định giải quyết khiếu nại số 8047/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Q không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho gia đình ông P, cụ thể:

- Yêu cầu xác định lại giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được giao khoán thuộc thửa số 49 tờ BĐ GPMB số 01

Tại bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Q lập cho gia đình, chỉ tính giá trị bồi thường đối với toàn bộ tài sản trên đất mà không tính tiền chi phí vào đất còn lại và tiền hỗ trợ khi bị thu hồi đất cho gia đình ông P là không đúng bởi:

Thứ nhất, theo Hợp đồng giao khoán số 200/HĐ-DH ngày 31/5/2007 giữa ông P với Trung tâm K, tại Điều V của hợp đồng có ghi nhận nội dung *“Khi lâm nông trường hoặc nhà nước có quy hoạch khác thuộc phần đất đã giao khoán cho ông (bà) thì lâm trường hoặc Nhà nước có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ giá trị vườn cây của ông (bà) theo giá thời điểm và theo quy định của pháp luật”*. Tuy nhiên, đến năm 2011, UBND tỉnh Q ban hành quyết định số 653/QĐ – UBND ngày 08/3/2011 để thu hồi toàn bộ diện tích đất này của gia đình ông P và đất của nhiều hộ gia đình khác, nhưng không thực hiện các thủ tục bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho gia đình ông P.

Theo quy định tại khoản 4, Điều 16 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại*” và còn được nhận các khoản hỗ trợ khác theo Khoản 3 Điều 20 Nghị định 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP. Nội dung này cũng được cụ thể hóa tại Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2010.

Như vậy, mặc dù UBND tỉnh Q đã ban hành quyết định thu hồi đất năm 2011, nhưng thủ tục này không thực hiện đúng quy định pháp luật đang có hiệu lực tại thời điểm đó. Gia đình ông P cũng như các hộ dân khác chưa từng biết có việc thu hồi đất năm 2011 và cũng chưa nhận được bất kỳ khoản bồi thường, hỗ trợ nào liên quan đến diện tích đất, chỉ khi nhận được Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi năm 2020 thì ông P và các hộ dân khác mới biết được thông tin này. Do vậy, việc căn cứ vào nội dung diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông P đã được UBND tỉnh Q thu hồi trước đó để không bồi thường cho gia đình ông P là không có cơ sở.

Thứ hai, tại thời điểm nhận giao khoán đất từ L1 nông trường thực nghiệm Yên Lập thì ông P là công dân chỉ sản xuất nông nghiệp, không làm trong bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Sau khi nhận giao khoán đất, ông P cùng gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nguồn thu nhập phụ thuộc hoàn toàn vào toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi. Việc không tiến hành hỗ trợ đối với diện tích bị thu hồi đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đời sống hàng ngày của gia đình ông P.

Do đó ông P khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 8047/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu P (lần đầu); hủy một phần Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND thị xã Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án khu dân cư phía tây nhà máy B1 tại phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (Đối với diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được giao khoán thuộc thửa 49, tờ bản đồ GPMB số 01 do gia đình quản lý canh tác tại khu T, phường Đ, thị xã Q) và buộc UBND thị xã Q bồi thường giá trị đầu tư vào đất còn lại, áp dụng hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông P; đồng thời xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 08/3/2011 của UBND tỉnh Q liên quan đến phần diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm gia đình ông P quản lý, canh tác.

*\*/Tại văn bản ý kiến và bản tự khai cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có quan điểm:*

Để triển khai Dự án khu dân cư phía Tây nhà máy B1 tại phường Đ, thị xã Q, UBND thị xã Q đã tiến hành thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án; trong đó, hộ ông Vũ Hữu P, khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh có tổng diện tích đất bị thu hồi là 3.627,2m<sup>2</sup>. UBND thị xã Q đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Hữu P đảm bảo theo đúng chính sách, quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Theo nội dung xác nhận của UBND phường Đ tại Bản chứng nhận nhân khẩu, hộ khẩu, nguồn gốc sử dụng nhà, đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện Dự án Khu dân cư phía Tây nhà máy B1 tại phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh của hộ ông Vũ Hữu P ngày 30/7/2019, xác định:

*“Thửa đất số 49, tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 01, tổng diện tích hiện trạng là 3.627,2m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi 3.627,2m<sup>2</sup>, tương ứng BĐDC năm 1993 là các thửa đất số 165, tờ bản đồ 15, diện tích là 385m<sup>2</sup>; thửa đất số 167, tờ bản đồ 15, diện tích 700m<sup>2</sup>; thửa đất số 169, tờ bản đồ 15, diện tích là 1990m<sup>2</sup>; thửa đất số 168, tờ bản đồ 15, diện tích 1355m<sup>2</sup>; thửa đất số 17, tờ bản đồ 16, diện tích là 1585m<sup>2</sup>. Hộ gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không thế chấp. Nguồn gốc phần diện tích thu hồi:*

*- 3.590m<sup>2</sup> là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm theo hợp đồng dài hạn giao khoán trồng vải số 200/HĐ-DH ngày 31/5/2007 giữa Trung tâm K với ông Vũ Hữu P. Đất do nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Trung tâm K quản lý sử dụng. Ngày 08/3/2011, UBND tỉnh Q đã có quyết định số 653/QĐ-UBND thu hồi đất của Trung tâm K và bàn giao cho UBND huyện Y (nay là thị xã Q) quản lý. Hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp.*

*- 37,2m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm thuộc ranh giới đất của Trung tâm K quản lý sử dụng. Ngày 08/3/2011, UBND tỉnh Q đã có Quyết định số 653/QĐ-UBND thu hồi đất của Trung tâm K và bàn giao cho UBND huyện Y (nay là thị xã Q) quản lý. Hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp.*

*Về cây, hoa màu trồng trên diện tích đất thực hiện GPMB: Toàn bộ cây trồng đã kiểm đếm tại biên bản ngày 23/5/2019 của hộ dân trồng trước ngày 08/5/2019 chưa được bồi thường, thanh lý.*

*Về tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thực hiện GPMB: Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc đã kiểm đếm biên bản ngày 23/5/2019 của hộ dân xây dựng trước năm 2011 chưa được bồi thường, thanh lý.*

*Hộ ông (bà) Vũ Hữu P không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp...”.*

Tài liệu có liên quan thể hiện: UBND tỉnh Q đã có Quyết định số 653/QĐ-UBND về việc thu hồi 58.224,0m<sup>2</sup> đất của Trung tâm K (nguồn gốc trước đây là của L1 nông trường thực nghiệm Y); trong đó có bao gồm cả 3.627,2m<sup>2</sup> (gồm 3.590 m<sup>2</sup> trước đây L1 nông trường thực nghiệm Yên Lập giao khoán cho ông Vũ Hữu P và 37,2m<sup>2</sup> được xác định là đất trồng cây lâu năm thuộc ranh giới đất của Trung tâm K) và UBND tỉnh Q đã giao lại toàn bộ diện tích 58.224,0m<sup>2</sup> đất thu hồi cho Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là UBND thị xã Q) quản lý.

Căn cứ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất do UBND phường Đ xác định và các tài liệu, hồ sơ có liên quan cho thấy: Trước thời điểm ngày 08/3/2011 khi UBND tỉnh Q chưa ban hành Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 08/3/2011 về thu hồi đất thì toàn bộ diện tích 3.627,2m<sup>2</sup> nằm trong ranh giới, diện tích do Trung tâm K quản lý. Đến ngày 08/3/2011, UBND tỉnh Q có Quyết định số 653/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Trung tâm K giao cho UBND thị xã Q quản lý. Như vậy, về mặt pháp lý ông Vũ Hữu P chưa được cơ quan có thẩm quyền nào giao quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 3.627,2m<sup>2</sup> đất bị thu hồi trên.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, trường hợp hộ ông Vũ Hữu P không thuộc một trong các trường hợp được áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, cụ thể:

- Không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật Đất đai năm 2013: (1) Điều 75 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; (2) Điều 78 quy định về bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo.

- Không thuộc trường hợp được hưởng chế độ, chính sách được quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: (1) Điều 19 quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất. (2) Điều 20 quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. (3) Khoản 5, khoản 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

UBND thị xã Q đã ban hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó hộ ông Vũ Hữu P được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.026.705.000 đồng (gồm: 836.969.882 đồng vật kiến trúc; 184.735.043 đồng cây trồng vật nuôi; 5000.000 đồng hỗ trợ di chuyển tài sản). Các chế độ, chính sách khác (bồi thường về đất; hỗ trợ, tái định cư...) hộ ông Vũ Hữu P không được hưởng, do không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

*\*/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh Q: (Không có quan điểm).  
- Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Q có quan điểm: Thửa đất ông Vũ Hữu P đang quản lý, sử dụng thuộc thửa 49, tờ bản đồ GPMB số 01 thuộc dự án khu dân cư T tại phường Đ. Tổng diện tích hiện trạng là 3.627,2m<sup>2</sup>, diện tích đất thu hồi 3.627,2m<sup>2</sup> thuộc khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Nguồn gốc phần diện tích đất thu hồi:

+ 3.590m<sup>2</sup> là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm theo hợp đồng dài hạn giao khoán đất trồng vải số 200/HĐ-DH, ngày 31/5/2007 giữa Trung tâm K với ông Vũ Hữu P. Đất do nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Trung tâm K quản lý sử dụng. Ngày 08/3/2011, UBND tỉnh Q đã có Quyết định số 653/QĐ-UBND thu hồi đất của Trung tâm K và bàn giao cho UBND huyện Y (nay là thị xã Q) quản lý. Hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp.

+ 37,2m<sup>2</sup> là đất nông nghiệp khai hoang trồng cây lâu năm thuộc ranh giới đất của Trung tâm K quản lý sử dụng. Đất do nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Trung tâm K quản lý sử dụng. Ngày 08/3/2011, UBND tỉnh Q đã có Quyết định số

653/QĐ-UBND thu hồi đất của Trung tâm K và bàn giao cho UBND huyện Y (nay là thị xã Q) quản lý. Hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện GPMB đối với trường hợp ông Vũ Hữu P, UBND phường Đ đã xác định theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Thúy H3 có quan điểm: Đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Vũ Hữu P.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện cơ bản đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu P.

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] *Về pháp luật tố tụng*: Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của ông Vũ Hữu P về yêu cầu: Hủy Quyết định số 8047/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu P (lần đầu); hủy một phần Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND thị xã Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án khu dân cư phía tây nhà máy B1 tại phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (Đối với diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được giao khoán thuộc thửa 49, tờ bản đồ GPMB số 01 do gia đình quản lý canh tác tại khu T, phường Đ, thị xã Q) và buộc UBND thị xã Q xác định lại giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm; đồng thời xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 08/3/2011 của UBND tỉnh Q liên quan đến phần diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm gia đình ông P quản lý, canh tác (Sau đây gọi tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại số 8047/QĐ-UBND, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2185/QĐ-UBND và Quyết định thu hồi đất số 653/QĐ-UBND).

Quyết định giải quyết khiếu nại số 8047/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Q và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2185/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND thị xã Q là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và là quyết định hành chính bị kiện, việc khởi kiện còn trong thời hiệu, Tòa án thụ lý vụ án đã đảm bảo đúng quy định tại Điều 22 của Luật Đất đai 2013; khoản 2, Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định thu hồi đất số 653/QĐ-UBND ngày 08/3/2011 của UBND tỉnh Q là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định bị khởi kiện; nên Hội đồng

xét xử xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định này theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] *Xem xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 8047/QĐ-UBND, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2185/QĐ-UBND và quyết định hành chính có liên quan*

[2.1] *Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định:*

[2.1.1] Thực hiện dự án: Khu dân cư phía tây nhà máy B1 tại phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; ngày 08/5/2019, UBND thị xã Q ban hành Thông báo thu hồi đất số 131/TB-UBND.

UBND thị xã Q đã tiến hành thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án; trong đó, hộ ông Vũ Hữu P, khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh có tổng diện tích đất đang quản lý sử dụng là 3.627,2m<sup>2</sup>.

Ngày 03/8/2020, UBND thị xã Q ban hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án khu dân cư phía tây nhà máy B1 tại phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cho hộ ông Vũ Hữu P.

[2.1.2] Không đồng ý với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2185/QĐ-UBND, ông P khiếu nại tới Chủ tịch UBND thị xã Q. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thị xã Q đã ban hành thông báo số 190/TB-UBND ngày 22/6/2022 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu, ban hành quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại... Ngày 01/12/2022, Chủ tịch UBND thị xã Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8047/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Hữu P.

[2.1.3] Như vậy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8047/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Q, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2185/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND thị xã Q, được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 65, 66, 67 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 27, 28, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] *Xét nội dung khởi kiện.*

UBND thị xã Q đã tiến hành thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án; trong đó, hộ ông Vũ Hữu P, khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh có tổng diện tích đất bị thu hồi là 3.627,2m<sup>2</sup>; số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.026.705.000 đồng (gồm: 836.969.882 đồng vật kiến trúc; 184.735.043 đồng cây trồng vật nuôi; 5000.000 đồng hỗ trợ di chuyển tài sản). Các chế độ, chính sách khác (bồi thường về đất; hỗ trợ, tái định cư...) hộ ông Vũ Hữu P không được hưởng, do không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[2.2.1] Căn cứ Bản chứng nhận ngày 30/7/2019 của UBND phường Đ xác nhận, thì thửa đất số 49, tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 01, tổng diện tích hiện trạng là 3.627,2m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi 3.627,2m<sup>2</sup> (tương ứng BĐDC năm 1993 là các thửa đất số 165, 167, số 168, 169 - tờ bản đồ 15 và thửa đất số 17- tờ bản đồ 16); hộ gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không thể chấp.

Nguồn gốc: 3.590m<sup>2</sup> là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm theo hợp đồng dài hạn giao khoán trồng vải số 200/HĐ-DH ngày 31/5/2007 giữa Trung tâm K với ông Vũ Hữu P. Đất do nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Trung tâm K quản lý sử dụng. Hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp. Phần diện tích 37,2m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm thuộc ranh giới đất của Trung tâm K quản lý sử dụng.. Hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Toàn bộ phần diện tích đất nêu trên của gia đình ông P sử dụng nằm trong phần diện tích mà Trung tâm K đã có văn bản trả lại và ngày 08/3/2011, UBND tỉnh Q đã có quyết định số 653/QĐ-UBND thu hồi đất của Trung tâm K và bàn giao cho UBND huyện Y (nay là thị xã Q) quản lý.

Đối với diện tích 37,2m<sup>2</sup>, hộ ông P nhất trí với phương án bồi thường, không kiến nghị, khiếu nại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2.2] Về quá trình sử dụng đất đối với diện tích 3.590m<sup>2</sup>: Ngày 31/5/2007, ông Vũ Hữu P và Trung tâm K ký Hợp đồng dài hạn giao khoán đất trồng vải số 200/HĐ-HD, theo đó ông P nhận khoán 3.590m<sup>2</sup> đất thuộc khu vực T để trồng vải, thời hạn 50 năm kể từ ngày giao nhận đất (quý I năm 1995). Hợp đồng này căn cứ theo hợp đồng số 182/HĐ-DH ông P ký với Trung tâm K ngày 10/01/2004. Tại Điều V của Hợp đồng có nội dung: “... Khi Trung tâm hoặc Nhà nước có quy hoạch khác thuộc phần đất đã giao khoán cho ông thì Trung tâm hoặc Nhà nước có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ giá trị vườn cây của ông theo giá thời điểm và theo quy định của pháp luật”.

Toàn bộ diện tích đất tại thửa số 49, tờ bản đồ GMPB số 01 đều nằm trong ranh giới đất được giao của Trung tâm K. Diện tích 3.590m<sup>2</sup> ông P quản lý, sử dụng là do nhận khoán với Trung tâm theo Hợp đồng dài hạn giao khoán đất trồng vải số 200/HĐ-HD ngày 31/5/2007.

Trung tâm K được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ-UB ngày 13/02/2001 của UBND tỉnh Q. Tại Văn bản số 4654/STC-QLGCS ngày 23/10/2019 của Sở T1 có nội dung: “Diện tích 58.224,0m<sup>2</sup> thu hồi của Trung tâm K được UBND tỉnh giao đất không thu tiền sử dụng đất và tài sản Trung tâm đầu tư trên đất (nếu có) sẽ có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước do Trung tâm là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp, tại thời điểm thu hồi đất chưa tự chủ tài chính”. Đồng thời, tại Văn bản số 49/TTKH-QLĐĐ ngày 25/10/2019 của Trung tâm K cũng thể hiện: “Tại thời điểm thu hồi đất (ngày 08/3/2011 Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, được Nhà nước cấp ngân sách đảm bảo chi thường xuyên hàng năm. Toàn bộ diện tích 58.224m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích đất của Trung tâm được Nhà nước giao đất không thu tiền. Kinh phí đầu tư: công trình đầu tư trên đất giao khoán như: cây trồng, kho chứa dụng cụ vật tư, hạ tầng kỹ thuật dùng cho diện tích giao khoán do cán bộ, viên chức và công nhân nhận khoán tự bỏ kinh phí. Trung tâm đầu tư các công trình, tài sản dùng chung (các tài sản, công trình do Trung tâm đầu tư được hình thành do sử dụng nguồn lao động công nhân của Trung tâm và tận dụng vật liệu tại chỗ hình thành qua từng thời kỳ”. Như vậy, Trung tâm K là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tại thời điểm thu hồi đất chưa tự chủ về tài chính.



[2.2.3] Căn cứ Điều 75, khoản 2 Điều 78 Luật Đất đai 2013 quy định: “...2. Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính đang sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại nếu chi phí này không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước”. Căn cứ Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì: Hộ ông P không thuộc trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất, sử dụng đất theo Hợp đồng giao khoán với Trung tâm K (đất đã bị thu hồi và bàn giao lại cho UBND thị xã Q quản lý) nên không được bồi thường về đất, không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, không đủ điều kiện để hưởng hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Như vậy, UBND thị xã Q ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2185/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND thị xã Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8047/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Hữu P là đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu P không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với quyết định hành chính có liên quan: Theo Quyết định số 309/QĐ-UB ngày 13/02/2001 của UBND tỉnh Q v/v Thành lập Trung tâm K. Trong quá trình quản lý sử dụng đất được giao, do không còn nhu cầu sử dụng diện tích 58.224,0m<sup>2</sup> (trong đó có bao gồm cả 3.627,2m<sup>2</sup> gia đình ông Vũ Hữu P quản lý sử dụng); nên Trung tâm K có văn bản trả lại phần diện tích đất nêu trên. Ngày 08/3/2011, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 653/QĐ-UBND về việc thu hồi 58.224,0m<sup>2</sup> đất của Trung tâm K tại xã Đ, huyện Y để giao cho UBND huyện Y quản lý.

Căn cứ Điều 38- Luật đất đai năm 2003 “ Các trường hợp thu hồi đất Nhà nước thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

1.....

2. Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất;

.....”

Như vậy, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 653/QĐ-UBND là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu P về yêu cầu: Hủy Quyết định số 8047/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu P (lần đầu); hủy một phần Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND thị xã Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án khu dân cư phía tây nhà máy B1 tại phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (Đối với diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm được giao khoán thuộc thửa 49, tờ bản đồ GPMB số 01 do gia đình quản lý canh tác tại khu T, phường Đ, thị xã Q) và bác yêu cầu buộc UBND thị xã Q xác định lại giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm; đồng thời xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 08/3/2011 của UBND tỉnh Q liên quan đến phần diện tích 3.590m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm gia đình ông P quản lý, canh tác.

2. Về án phí: Ông Vũ Hữu P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông Vũ Hữu P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005749 ngày 24/01/2024 (người nộp thay: Hoàng Thị L) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Ông Vũ Hữu P đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- Cục T.H.A D.S tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP.

(đã ký)

**Phạm Hồng Thái**